

Bản án số:185/2022/DS-ST

Ngày 21- 9- 2022

*“V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại tài sản và Bồi thổ đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thu Hảo, bà Trần Thị Kim Duyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Trường Bảo Vy- Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và Bồi thổ đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn NH, sinh năm 1940

Địa chỉ: Ấp LH, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phạm Hồng C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp LH, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp Bình Nhứt, xã TC, huyện GC Tây, tỉnh Tiền Giang

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp LB, xã YL, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

(Bà C, anh L có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn NH trình bày và yêu cầu:*

Ông Huỳnh Văn NH có sử dụng diện tích 426, 2 m² của hai thửa đất 2099, 2100 của ông Huỳnh Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04103.QSDĐ ngày 13 tháng 8 năm 1996 do UBND thị xã GC. Trước khi thực hiện công trình Tiểu dự án Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng GC, ông NH có san lấp bồi thổ đất ao địa lên thành đất nền để trồng cây so đũa, và cỏ voi. Khi thực hiện dự án ngăn mặn có giải tỏa và bồi thường. Ông NH và ông L phát sinh tranh chấp do tự thỏa thuận không thành. Ông NH kiện ông L tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Án sơ thẩm, án phúc thẩm số 479/2020/ DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử không chấp nhận yêu cầu ông NH, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L: Ông NH có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Văn L phần đất diện tích 426,2 m² gồm một phần thửa 2099 và một phần thửa 2100, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh L đứng tên, nhưng trên diện tích đất này ông NH có san lấp có trồng cỏ và 100 cây so đũa để chăn nuôi dê. Ban đầu ông NH ước tính để yêu cầu ông L trả số tiền san lấp 100.000.000 đồng, và trồng cỏ voi và 100 cây so đũa là 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực.

Sau đó quá trình giải quyết vụ án ông NH không yêu cầu bồi thường giá trị cỏ voi và 100 cây so đũa do ông không cung cấp được chứng cứ. Ông chỉ yêu cầu anh L trả tiền bồi thổ đất cho ông là 60.000.000 đồng.

**Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn L trình bày:*

Anh L có cho ông NH sử dụng một phần đất của ông L như ông NH khai, đến khi xảy ra sự kiện bồi thường do thu hồi một phần đất ở thửa 2099 mà ông NH đang sử dụng. Hai bên có thỏa thuận nhưng không thành, nên xảy ra tranh chấp.

Tòa án thị xã GC thụ lý giải quyết, có tiến hành thẩm định đo đạc, định giá trên phần đất ông NH đang sử dụng, biên bản ngày 06/6/2019 thể hiện trên đất chỉ trồng một số cỏ voi, ông NH xác định giá trị cỏ voi không lớn, không yêu cầu định giá. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DSST ngày 03 /10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã GC ông NH trình bày đến năm 2018 ông NH có bồi thổ đất (lấp mương) trên phần đất tranh chấp với chi phí là 20.000.000 đồng. Nay ông NH yêu cầu anh L bồi thổ đất, giá trị cây trồng tổng cộng là 200.000.000 đồng là vô lý, anh L không đồng ý yêu cầu của ông NH.

-Tại phiên tòa:

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày : Nguồn gốc đất san lấp ông NH được cha ông Huỳnh Văn C cho diện tích 426,2m² đất lá dừa nước cóc kèn, ô rô từ năm 1985 ông NH khai phá. Đến năm 2000 ông NH mướn Ko be móc mương để chứa nước tưới tiêu, nuôi cá, đến năm 2013 ông NH mướn máy thổi lấp địa, năm 2015 mướn kô be lấp ao thành nền nhưng vẫn còn trũng. Năm 2015 có công trình cống ngăn mặn đi qua, Nhà nước có giải tỏa đền bù, đập nhà ông NH, ông có lấy xà bần nhà đổ vào san lấp tiếp, năm 2018 nhà nước cho ông NH 02 con dê, ông NH có kê xe đồ 120 xe đất với giá tiền 250.000 đồng/ 01 xe để trồng cỏ, so dừa nuôi dê. Nay ông NH yêu cầu ông L trả công san lấp là 100.000.000 đồng và giá trị cây trồng so dừa, co voi là 100.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu ông L là 200.000.000 đồng. Ông NH không còn cung cấp chứng cứ gì thêm.

Ông L trình bày: Ông NH yêu cầu vô lý anh không đồng ý, đất của anh qua hai lần sơ thẩm, phúc thẩm anh đều thắng kiện vụ án tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Trong bản án sơ thẩm lần đầu, ông NH có xác định trong biên bản thẩm định, xem xét tại chỗ ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã GC, đã xác định ông NH có trồng cỏ voi, nhưng giá trị cỏ voi không lớn, không yêu cầu Hội đồng định giá, không có 100 cây so dừa. Theo biên bản hòa giải của UBND xã LC ông NH đồng ý công bồi thổ chỉ có 20.000.000 đồng. Nay ông NH yêu cầu ông L bồi thổ đất và bồi thường thiệt hại tài sản tổng cộng là 200.000.000 đồng, tôi không đồng ý. Vì tình nghĩa anh em anh L đồng ý hỗ trợ tiền công san lấp cho ông NH số tiền 20.000.000 đồng.

-Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: bản án số 137/2020/DS-ST ngày 24.9.2020 của TAND thị xã GC, bản án số 479/2020/DS-PT của TAND tỉnh Tiền Giang (bản sao); biên bản định giá ngày 06/6/2019 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2019 của TAND thị xã GC. Giấy xác nhận người làm chứng Nguyễn Thế L, 02 tấm ảnh chụp cây không thể hiện ngày, tháng, năm.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: bản án số 137/2020/DS-ST ngày 24.9.2020 của TAND thị xã GC, bản án số 479/2020/DS-PT của TAND tỉnh Tiền Giang (bản photo); biên bản định giá ngày 06/6/2019 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2019 của TAND thị xã GC (photo) và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mới khi yêu cầu thi hành án của bản án Phúc thẩm(photo)

Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản về việc xem xét, thẩm định ngày 14/7/2022; Hồ sơ cưỡng chế thi hành án có liên quan của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã GC; biên bản xác minh tại UBND xã LC và hồ sơ giải quyết tranh chấp tại UBND xã LC, biên bản lấy lời khai người làm chứng Nguyễn Thế L ngày ngày 15 tháng 7 năm 2022; hồ sơ bồi thường có liên quan thửa 2099 của ông Huỳnh Văn L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng đại diện bị đơn tại phiên tòa không giữ trật tự dù đã được nhắc nhở. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Tại phiên tòa ông L đồng ý hỗ trợ cho ông NH số tiền 20.000.000 đồng nên ghi nhận. Căn cứ Điều 166 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Ông L trả cho ông NH số tiền 20.000.000 đồng nên ghi nhận.

Án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng, bồi thổ đất, có địa chỉ ấp LH, xã LC, thị xã Gò

Công, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã GC thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thông nhất xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn cho rằng ông Huỳnh Văn L được lấy lại 01 phần đất thửa 2099 và 01 phần thửa đất 2100 theo bản án phúc thẩm số 479/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của TAND tỉnh Tiền Giang phải trả công bồi thổ đất, giá trị cỏ voi, và 100 cây so đũa tổng cộng là 200.000.000 đồng, không được ông L đồng ý.

[2.1] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản so đũa, cỏ voi, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông NH không cung cấp được bằng chứng xác thực để chứng minh về nguồn gốc, số lượng, giá thành của số tài sản 100 cây so đũa, cỏ voi bị thiệt hại 100.000.000 đồng là thực tế. Căn cứ và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá của vụ án trước thì giá trị, cỏ voi không lớn, không yêu cầu định giá. Hồ sơ cường chế của thi hành án, ông NH xác định trên đất tranh chấp chỉ có cây cỏ để nuôi dê. Qua xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì không còn tài sản như nguyên đơn trình bày. Điều này khẳng định tại thời điểm tranh chấp ông NH cũng không chứng minh được có tài sản bị thiệt hại để Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác ông NH có đưa ra 02 tấm hình chụp ảnh có cây, nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh thuyết phục để Hội đồng xét xử.

[2.2] Về bồi thối đất ông NH yêu cầu ông L phải trả cho ông NH 100.000.000 đồng tiền bồi thối đất 01 phần thửa 2099, 01 phần thửa 2100(nay có số thửa mới là đất của ông L.) nhưng không đưa ra được đầy đủ chứng cứ để chứng minh.

Hội đồng xét xử thấy, tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quá trình ông NH sử dụng một phần thửa đất 2099, 2100 do ông Huỳnh Văn L đứng tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04781QSDĐ/LC ngày 13.8.1996 do ủy ban nhân dân thị xã GC cấp, thửa đất của ông L có một phần giáp ranh với thửa 2098 của ông NH, cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày. Nguồn gốc đất ông NH và ông L đều được cha các ông cho. Sau khi ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn tiếp tục cho ông NH sử dụng, ông NH có đào ao nuôi cá, sau đó lên nền để trồng cỏ nuôi dê.

Đất của ông L, ông NH có sử dụng thu huê lợi, ông L không có hưởng huê lợi trên đất. Đến Năm 2005 ông L chuyển mục đích từ đất lá sang đất lúa vẫn để ông NH sử dụng, lúc này giá trị đất có tăng lên. Theo bản án phúc thẩm số 479/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của TAND tỉnh Tiền Giang. Khi thực hiện dự án nâng cấp kiểm soát xâm nhập mặn khu vực GC. Căn cứ vào các phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 2099 và thửa 2100 (nay là thửa 14) của ông L và thửa số 2098 (nay là thửa số 12) của ông NH để xác định chi phí bồi thường do giải tỏa. Ông NH và ông L cùng xác nhận khi đoàn khảo sát đo đạc đất để đền bù, ông NH, ông L có xác định ranh giới hai thửa đất 2098 và 2099 vị trí ranh dôi qua thửa đất 2099 của ông L để ông NH được nhận tiền đền bù 01 phần thửa 2099 của ông L. Qua đo đạc đất ông NH ở thửa 2098 có tăng lên 621m² so với diện tích được cấp giấy. Điều này cũng được bà C đại diện ủy quyền của ông NH thừa nhận tại phiên tòa “ ông NH có nhận tiền đền bù 01 phần của thửa 2099 của ông L, nhưng do nhập chung với số tiền đền bù thửa đất của ông NH gần 02 tỉ nên không biết nhận số tiền đền bù là bao nhiêu”

Hơn nữa tại biên bản hòa giải của xã LC ngày 02/4/2019 ông NH đồng ý nhận bồi thố đất là 20.000.000 đồng, sau đó ông NH lại thay đổi ý kiến. Bên cạnh, Tòa án tiến hành xác minh người làm chứng ông Nguyễn Thế L. Ông Nguyễn Thế L khẳng định vào năm 2018 ông có đồ đất cho ông NH, qua sổ ghi chép nộp cho tòa tổng cộng 82 xe với giá từ 200.000 đồng đến 220.000 đồng bằng giá tiền từ 16.400.000 đồng đến 18.040.000 đồng.

Và qua động viên của Hội đồng xét xử ông L đồng ý hỗ trợ tiền bồi thố đất cho ông NH là 20.000.000 đồng, là sự tự nguyện của ông L để giữ tình nghĩa anh em với nhau, nên được ghi nhận.

Từ những căn cứ nêu trên xác định yêu cầu khởi kiện của ông NH là không căn cứ, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L hỗ trợ công san lấp cho ông NH số tiền 20.000.000 đồng.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát thị xã GC. Về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xét miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Chi phí tố tụng nguyên đơn đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn NH: yêu cầu ông Huỳnh Văn L phải trả cho ông Huỳnh Văn NH số tiền thiệt hại cỏ voi, so đũa giá trị là 100.000.000 đồng, tiền bồi thổ đất là 100.000.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông Huỳnh Văn L tiền bồi thổ đất cho ông Huỳnh Văn NH số tiền 20.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xét miễn toàn bộ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư